

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN BDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+BK10+AMD	7:25	3+0+19	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 2 vsp02-bk10
2		PPD+VSP01	7:25	16+0	0+0		17+4	0+0	
3		T.UNG	7:25	16	0		16	0	
4		TD1+AMD+HSD	9:25	7+12+2	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
5		AMD+P8+P7	9:25	8+12+1	0+0+0		7+12+3	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2024	TO: VSP02 - BK10 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:31
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Son - Tú	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY HOANG	VSP02	95-96	2	10		76	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC ANH	VSP02	97	1	14		95	ANTOAN	Vietnamese
3	VŨ XUÂN TRƯỜNG	VSP02	93-94	2	19		65	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY LAM	AMD	70	1	10		65	HLJOC	Vietnamese
5	NGO SY DUC	AMD	72-73	2	20		97	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TAN	AMD	59	1	5		74	TLJOC	Vietnamese
7	TRINH BICH NGOC	AMD	63-64	2	15		65	TLJOC	Vietnamese
8	NGUYEN LE HONG VU	AMD	74	1	8		60	TLJOC	Vietnamese
9	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	62	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRINH VAN PHA	AMD	69	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG CONG TAN	AMD	71	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THUY	AMD	81-82	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN NGOC PHUC	AMD	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN QUANG LONG	AMD	83	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	YA LOC	AMD	60-61	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI BA HUNG	AMD	58	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VIET THANG	AMD	65-66	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM TUAN ANH	AMD	67-68	2	8		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ĐỨC NHA	AMD	79-80	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI VAN HUONG	AMD	75	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN NGHIA	AMD	84-85	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG DUY	AMD	77-78	2	13		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	3	5	43	236	0	1		CHUYEN 2 PAX VSP02-BK10
2	BK10	0	0	0	0	0	0		
3	AMD	19	28	181	1.316	0	21		
TOTAL		22	33	224	1.552	0	22		
WEIGHT KG				224	1.552	0			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: PPD - VSP01	CREW: TTrung - NPhú - PTUÂN	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	PPD	53	1	8		63	YTE	Vietnamese
2	ĐỖ XUÂN SƠN	PPD	54	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO ĐỨC VỌNG	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN THẮNG	PPD	25	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ SỸ KHOA	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	57	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN VINH	PPD	24	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	56	1	4		51	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH BA NINH	PPD	52	1	3	70	56	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ QUANG HUY	PPD	26	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	23	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	51	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO SÁCH ĐỨC	PPD	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CỬ	PPD	49	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	19	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	14	58	1.045	70	17		
2	VSP01	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		16	14	58	1.045	70	21		
WEIGHT KG				58	1.045	70			

GRAND TOAL: 1.173 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - ĐTrung	ETA: 10:45
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	83	1	6		68	PVEP ITC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIẾU	T.UNG	75	1	7		67	PVEP ITC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	76-77	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VIỆT TÙNG	T.UNG				85	75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	T.UNG	74	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DUY DUNG	T.UNG	79-80	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	67	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
8	KIEU XUAN TAM	T.UNG	78	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THỊ	T.UNG	31	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ HUNG DUNG	T.UNG	81	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG	68	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN QUANG HOA	T.UNG					76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VU VIỆT LONG	T.UNG	72-73	2	12		70	T-TIN	Vietnamese
14	TRẦN BAO CHUÔNG	T.UNG	71	1	14		65	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MINH	T.UNG	70	1	7		67	T-TIN	Vietnamese
16	LÊ TRẦN MINH KHANH	T.UNG	82	1	7		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	17	101	1.145	85	16		
	TOTAL	16	17	101	1.145	85	16		
	WEIGHT KG			101	1.145	85			

GRAND TOAL: 1.331 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2024	TO: TD1 - AMD - HSD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: HUNG - Son - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN QUYET	TD1	37	1	12		86	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DINH PHUONG	TD1	39	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
3	DUONG QUOC VIET	TD1	38	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC LUONG	TD1	31	1	15	20	72	XAYLAP	Vietnamese
5	DO CONG PHONG	TD1	29	1	10	15	70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN PHUC	TD1	33-34	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN THANH TINH	TD1	35-36	2	20		65	DVL	Vietnamese
8	LE VAN PHANG	AMD	86	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	VO TRUNG HIEU	AMD	89	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MINH THAI	AMD	56-57	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG BA THANG	AMD	90	1	20		62	XAYLAP	Vietnamese
12	DO DUC HAU	AMD	91	1	20		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN KIM HA	AMD	96	1	20		60	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN HUU QUYNH	AMD	97	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN HUU MINH	AMD	87-88	2	14		77	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VAN TUYEN	AMD	93	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
17	LA KHAC HAO	AMD	98	1	12		54	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG SY	AMD	92	1	17		58	XAYLAP	Vietnamese
19	HUYNH DANG HOAI THANH	AMD	94-95	2	12		85	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN BA QUAN	HSD	60-61	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
21	DOAN THANH MAI	HSD	59	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	7	9	92	543	35	0		
2	AMD	12	15	174	802	0	20		
3	HSD	2	3	17	142	0	2		
TOTAL		21	27	283	1.487	35	22		
WEIGHT KG				283	1.487	35			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Lien VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2024	TO: AMD - P8 - P7	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - PTUẤN	ETA: 11:45
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHẮC THẠCH	AMD	06-07	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
2	VÔ VĂN SƠN	AMD	03-04	2	17		54	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MẠNH	AMD	09,12	2	23		61	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN ĐĂNG HUÂN	AMD	01-02	2	23		79	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN VĂN THOẠI	AMD	600	1	17		71	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN VĂN HÙNG	AMD	10-11	2	23		62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	05	1	5		61	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	08	1	3		64	PSV	Vietnamese
9	ĐỖ NGỌC TÂM	P8	99	1	15		89	XAYLAP	Vietnamese
10	HÀ MẠNH CƯỜNG	P8	67-68	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG ĐÌNH	P8	98	1	14		57	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN TRƯỞNG GIANG	P8	94-95	2	10		73	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÌNH TRỌNG KIẾN	P8	96-97	2	22		68	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VĂN HÙNG	P8	69,74	2	23		74	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÌNH VĂN TÙNG	P8	61-62	2	25		55	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN KIM VƯƠNG	P8	63-64	2	13		56	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN THANH NGÀ	P8	500,60	2	23		84	XAYLAP	Vietnamese
18	VU XUÂN CHÍNH	P8	93	1	13		66	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HẬU	P8	92	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VĂN NAM	P8	65-66	2	21		68	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM VAN TUONG	P7	12	1	10		77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	8	13	128	516	0	7		
2	P8	12	20	209	836	0	12		
3	P7	1	1	10	77	0	3		
TOTAL		21	34	347	1.429	0	22		
WEIGHT KG				347	1.429	0			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK4+P11	7:25	19+0+0	0+0+0		4+16+2	0+0+0	
2		RC4+RP1+RP3	7:25	7+0+14	0+0+0		6+1+15	0+0+0	chuyen 1 rc4-rp1
3		P10+TD2+PPD	7:25	6+4+9	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
4		P4+P6+P4	9:25	19+1+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 p4-p6
5		MRM+CTC1	9:25	19+0	0+0		15+5	0+0	
6		RC6+RP3+CTK3	11:25	5+8+8	0+0+0		0+14+7	0+0+0	
7		MRM+BK14+RP3	11:25	7+0+13	0+0+0		0+2+17	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2024	TO: PPD - BK4 - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO CHUNG KIEN	PPD	51	1	3		62	KHI	Vietnamese
2	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	10	1	5		88	KHI	Vietnamese
3	TRAN SON TOAN	PPD	13	1	3		75	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN DUC LAM	PPD	07	1	5		76	KHI	Vietnamese
5	VÔ VĂN QUYÊN	PPD	03	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	VU VAN TRIEU	PPD	08	1	5		81	KHI	Vietnamese
7	NGO SY THANH	PPD	12	1	4		90	KHI	Vietnamese
8	TRINH VAN CUONG	PPD	01	1	7		63	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN MINH VIEN	PPD	14-15	2	10		75	KHI	Vietnamese
10	OKOVANTSEV G.F	PPD	18	1	17		119	KHI	Russian
11	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	04	1	5		68	KHI	Vietnamese
12	ĐO VĂN TUÂN	PPD	17	1	2		68	KHI	Vietnamese
13	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	09	1	5		75	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN CONG HIEN	PPD	02	1	3		55	KHI	Vietnamese
15	BUI NGOC HUONG	PPD	16	1	5		63	KHI	Vietnamese
16	LE TRUNG LAN	PPD	05	1	6		81	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	11	1	3		75	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN ANH TU	PPD	06	1	8		78	KHI	Vietnamese
19	TRUONG HAI HA	PPD	200	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	20	106	1.432	0	4		
2	BK4	0	0	0	0	0	16		
3	P11	0	0	0	0	12	2		
TOTAL		19	20	106	1.432	12	22		
WEIGHT KG				106	1.432	12			

GRAND TOAL: 1.550 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2024	TO: RC4 - RP1 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VAnh - dũng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	RC4	21-22	2	19		77	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC DANH	RC4	20	1	13		63	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI QUANG ANH	RC4	27-28	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN BA ĐIỆN	RC4	29-30	2	25		82	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ HỒNG DƯƠNG	RC4	25-26	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VAN DUONG	RC4	23-24	2	23		55	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN TIẾN THIÊN	RC4	31-32	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
8	DUBOV A.B.	RP3	41	1	7		99	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	48	1	5		73	KHI	Vietnamese
10	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3				20	70	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HOÀNG NGUYỄN	RP3	47	1	5		67	KHI	Vietnamese
12	VŨ ĐÓN LONG	RP3	45	1	4		74	KHI	Vietnamese
13	PHẠM QUỐC KHÁNH	RP3	43	1	4		83	KHI	Vietnamese
14	HOANG VAN HAI	RP3	46	1	8		64	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	44	1	3		63	KHI	Vietnamese
16	KHÔNG TIẾN DUNG	RP3	54	1	7		78	KHI	Vietnamese
17	PHAN ANH KHANG	RP3	53	1	5	15	66	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HÀ	RP3	50-51	2	19		90	KHI	Vietnamese
19	PHI THANH LONG	RP3	52	1	7		55	KHI	Vietnamese
20	VŨ MINH NAM	RP3	49	1	11		90	KHI	Vietnamese
21	LÊ CHÍ BẢO	RP3	42	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN KÝ	RP3	58	1	3		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	7	13	137	475	0	6	1	CHUYEN 1 PAX RC4-RP1
2	RP1	0	0	0	0	0	1		
3	RP3	15	15	96	1.114	35	15		
TOTAL		22	28	233	1.589	35	22		
WEIGHT KG				233	1.589	35			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2024	TO: P10 - TD2 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THAI BÌNH	P10	78-79	2	11		71	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHANH HUNG	P10	77	1	13	40	70	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ QUỐC VUÔNG	P10	80-81	2	18	38	75	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM MINH VŨ	P10	84-85	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH TUNG	P10	82-83	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HOÀN	P10	86-87	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NAM	TD2	09	1	15	20	72	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN VINH	TD2	12	1	15		92	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THUẬT	TD2	10-11	2	17		73	DVL	Vietnamese
10	VŨ VĂN TRUNG	TD2	13-14	2	19		72	DVL	Vietnamese
11	LÊ THANH TRUNG	PPD	02	1	4		63	KHI	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC HUNG	PPD	03	1	3		58	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ HUNG	PPD	21	1	5		74	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD					87	KHI	Vietnamese
15	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	04	1	7		60	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	01	1	9		75	KHI	Vietnamese
17	DƯƠNG TRƯỞNG LAM	PPD	67	1	9		67	KHI	Vietnamese
18	BUI NANG PHONG	PPD	22	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH HOÀI ĐỨC	PPD	20	1	15		73	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	6	11	99	447	78	0		
2	TD2	4	6	66	309	20	2		
3	PPD	9	8	55	632	0	20		
TOTAL		19	25	220	1.388	98	22		
WEIGHT KG				220	1.388	98			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2024	TO: P4 - P6 - P4.	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN LÊ HUY	P4	31	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	LÊ VĂN MẠNH	P4					59	KHI	Vietnamese
3	PHẠM QUỐC DUY	P4	15	1	4		61	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	28	1	5		74	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN PHÚC	P4	16	1	6		68	KHI	Vietnamese
6	ĐOÀN THANH CÔNG	P4	33	1	5		75	KHI	Vietnamese
7	VIATALY ZAGUDAEV	P4	32	1	8		76	KHI	Russian
8	LÊ VĂN HOÀN	P4	14	1	3		71	KHI	Vietnamese
9	TRINH XUÂN HUYEN	P4	29	1	5	60	75	KHI	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	11	1	4		78	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VĂN NAM	P4	40	1	3		72	KHI	Vietnamese
12	HOANG TRỌNG TÂN	P4	30	1	7		72	KHI	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	12-13	2	8		65	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	37	1	5		68	KHI	Vietnamese
15	LÊ QUANG VINH	P4	10	1	8		67	KHI	Vietnamese
16	TRINH VĂN THAI	P4	34-35	2	11		68	KHI	Vietnamese
17	LÊ VĂN THANH	P4	36	1	12		72	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TRUNG	P4	38-39	2	12		60	KHI	Vietnamese
19	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	P4	09	1	4		50	PSV	Vietnamese
20	HOANG NAM HAI	P6	13-14	2	17		90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	19	21	115	1.301	60	0	1	CHUYEN 1 PAX P4-P6
2	P6	1	2	17	90	0	0		
3	P4.	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		20	23	132	1.391	60	22		
WEIGHT KG				132	1.391	60			

GRAND TOAL: 1.583 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2024	TO: MRM - CTC1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TONG VAN DAT	MRM	69	1	5		64	PSV	Vietnamese
2	VU VAN TRUONG	MRM	71	1	5		68	PSV	Vietnamese
3	PHAM VAN HUY	MRM	73-74	2	12		78	MERMAID	Vietnamese
4	LE DUY THANG	MRM				40	78	MERMAID	Vietnamese
5	PHAM THANH DO	MRM	875-876	2	10		76	MERMAID	Vietnamese
6	KIRICHENKO K.P.	MRM	67	1	5		81	KHOAN	Russian
7	NGUYEN HOANG LONG	MRM	33	1	12		79	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	99	1	11	33	76	KHOAN	Vietnamese
9	NGO THANH SON	MRM	70	1	10		79	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN HUNG DUNG	MRM	31	1	12		70	DVL	Vietnamese
11	TRAN VAN NGHIA	MRM	78,81	2	22		87	DVL	Vietnamese
12	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	MRM	74	1	10		80	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THU	MRM	32	1	12		60	DVL	Vietnamese
14	BUI HUY BANG	MRM	29-30	2	27		67	DVL	Vietnamese
15	TRAN QUOC HUONG	MRM	68	1	11		95	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	MRM	72-73	2	23		70	DVL	Vietnamese
17	LE THANH TRUNG	MRM	77,79	2	15		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	17	22	202	1.281	73	15		
2	CTC1	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		17	22	202	1.281	93	20		
WEIGHT KG				202	1.281	93			

GRAND TOAL: 1.576 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2024	TO: RC6 - RP3 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - DTùng	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ TRUNG KIẾN	RC6	94-95	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG THAI TAI	RC6	96-97	2	10		80	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH DUNG	RC6	01,400	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU TUÂN	RC6	02-04	3	22	40	55	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ CÔNG CHÍNH	RC6	98-99	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HẠM CHUNG	RP3	61-62	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TIẾN	RP3	59-60	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH THÂN	RP3	65-66	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM BA HOANG	RP3	67-68	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC THỌ	RP3	63-64	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN VINH	RP3	69-70	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN SƠN	RP3	73-74	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN THỂ	RP3	71-72	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG ĐÌNH SÂM	CTK3	02-03	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	99,100	2	22		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	04	1	3	10	66	HVJOC	Vietnamese
17	LÊ THANH TUÂN	CTK3	07	1	7	15	85	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU NHÂN	CTK3	09-10	2	10		75	NIPI	Vietnamese
19	LÊ VĂN MINH	CTK3	05-06	2	8		80	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN ANH	CTK3	08	1	10		78	PSV	Vietnamese
21	DINH MẠNH DUC	CTK3					75	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	5	11	79	359	40	0		
2	RP3	8	16	139	554	0	14		
3	CTK3	8	11	72	594	25	7		
TOTAL		21	38	290	1.507	65	21		
WEIGHT KG				290	1.507	65			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2024	TO: MRM - BK14 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: XHOÀN - MTHAO -	ETA: 14:05
VANG-3		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HAI THANG	MRM	36	1	14		74	DVL	Vietnamese
2	ĐO VÂN THAI	MRM	38	1	12		69	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC SƠN	MRM	35	1	17		67	DVL	Vietnamese
4	HUYNH VŨ TÍNH	MRM	37	1	9		64	DVL	Vietnamese
5	GOLUBEV A.	MRM	34	1	11		93	AMNG	Russian
6	ĐOÀN ĐÌNH DŨNG	RP3	82-83	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
7	CAO VĂN MẠNH	RP3	80-81	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
8	MAI XUÂN TRŨ	RP3	96	1	7		71	PVGAS	Vietnamese
9	VŨ VĂN SƠN	RP3	91	1	10		56	PVGAS	Vietnamese
10	HA SƠN THỊNH	RP3	95	1	8		68	PVGAS	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG LONG	RP3	92	1	7		73	PVGAS	Vietnamese
12	THẠCH HOANG HẠNH	RP3	85	1	16		68	PVGAS	Vietnamese
13	VI ĐỨC TU	RP3	87-88	2	16		62	PVGAS	Vietnamese
14	VŨ VĂN GIANG	RP3	89	1	14		64	PVGAS	Vietnamese
15	LÊ VĂN TIẾN	RP3	93-94	2	9		53	PVGAS	Vietnamese
16	PHAN TÀI DANH	RP3	84	1	10		62	PVGAS	Vietnamese
17	LÊ VŨ LỰC	RP3	90	1	10		75	PVGAS	Vietnamese
18	ĐO VÂN THANH	RP3	86	1	11		54	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	5	5	63	367	0	0		
2	BK14	0	0	0	0	0	2		
3	RP3	13	17	156	834	0	17		
TOTAL		18	22	219	1.201	0	19		
WEIGHT KG				219	1.201	0			

GRAND TOAL: 1.420 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN